

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HSST

Ngày: 10/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Từ Quốc Thái Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Phan Vũ Anh Kiệt**

2/ Ông **Trần Văn Đức**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Hồng Ngọc Tú** - Thư ký Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông **Lê Văn Nhật** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2017/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2017/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2017, đối với các bị cáo:

1/ TẠ MỸ L - Sinh năm: 1974, tại Tây Ninh.

Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Tạ Văn M (Chết) và bà Trần Thị N (Chết); Chồng: Võ Ngọc L, sinh năm: 1966; Có 03 con, lớn nhất sinh năm: 1995, nhỏ nhất sinh năm: 2005; Tiền án - Tiền sự: Không.

Nhân thân:

1/ Ngày 13/7/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 304/2010/HSST). Ngày 21/9/2010, Tạ Mỹ L chấp hành xong hình phạt tù.

2/ Ngày 28/11/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 700/2011/HSST). Ngày 19/01/2012, Tạ Mỹ L chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo ra trình diện ngày 28/7/2017 tại công an huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày **29/7/2017**, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L (Có mặt).

2/ TRẦN THỊ NGỌC H - Sinh năm: 1983, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Khơ me; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không rõ và bà Trần Thị H (Chết); Cha dượng: Huỳnh Văn T, sinh năm: 1955; Chồng: Đỗ Đình N (Chết); Có 02 con, lớn nhất sinh năm: 2007, nhỏ nhất sinh năm: 2015.

Tiền sự: Không;

Tiền án: Có 05 tiền án.

1/ Ngày 02/11/2007, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, về tội: “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 61/2007/HSST).

2/ Ngày 09/5/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 08 tháng tù của bản án số 61/2007/HSST ngày 02/11/2007 của TAND huyện T, tỉnh Đồng Nai, buộc Trần Thị Ngọc H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 01 năm tù (Bản án số 35/2008/HSST).

3/ Ngày 30/7/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù của bản án số 35/2008/HSST ngày 09/5/2008 của TAND huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, buộc Trần Thị Ngọc H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 02 năm tù (Bản án số 58/2009/HSST).

4/ Ngày 14/5/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 59/2012/HSST).

5/ Ngày 04/02/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 18/2015/HSST).

Bị cáo ra trình diện ngày 28/7/2017 tại Công an huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và bị bắt tạm giữ từ ngày **29/7/2017** đến ngày **01/8/2017**, được trả tự do theo quyết định trả tự do số 12 ngày 01/8/2017 của Cơ quan CSĐT công an thị xã L;

Bị cáo bị áp giải thi hành án từ ngày **24/8/2017**, hiện đang chấp hành án tại Phân trại 3, Trại giam Thủ Đức - Bộ công an (Có mặt).

3/ TRIỆU THỊ HOÀNG P - Sinh năm: 1992, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Khu phố 4, ấp H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Khơ me; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu P (Chết) và bà Lê Thị L, sinh năm: 1972; Chồng: Ngô Văn H, sinh năm: 1993. Có 03 con, lớn nhất sinh năm: 2000; nhỏ nhất sinh ngày 18/01/2017; Tiền án - Tiền sự: Không.

Nhân thân:

1/ Ngày 23/8/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 99/2012/HSST). Ngày 27/4/2013, Triệu Thị Hoàng P chấp hành xong hình phạt tù.

2/ Ngày 20/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 163/2013/HSST). Ngày 30/10/2014, Triệu Thị Hoàng P chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 24 ngày 07/8/2017 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã L (Có mặt).

4/ BÙI THỊ L - Sinh năm: 1967, tại Bình Thuận.

Nơi cư trú: Tổ 1, Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 2/12; Dân tộc: Khơ me; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn Ê (Chết) và bà Trần Thị P (Chết); Chồng:

Nguyễn Văn P, sinh năm: 1966; Có 06 con, lớn nhất sinh năm: 1988, nhỏ nhất sinh năm: 1998; Tiền án - Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt ngày **28/6/2017**, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L (Có mặt).

5/ TRIỆU THỊ XÀ D - Sinh năm: 1972, tại Cà Mau.

Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Khơ me; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Ngân M (Chết) và bà Thạch Thị D (Chết); Chồng: Phạm Hữu H (Chết); Có 03 con, lớn nhất sinh năm: 1990, nhỏ nhất sinh năm: 1995; Tiền án - Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt ngày **03/9/2017**, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L (Có mặt).

*** Bi hại:**

1/ **Bùi Vũ Vân A**, sinh năm 1976 - Trú tại: Khu phố 9, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

2/ **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1972 - Trú tại: Thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Nguyễn Văn P, sinh năm: 1966 - Trú tại: Tổ 1, Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Sáng ngày 16/6/2017, khi đang ở nhà tại Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, thì Tạ Mỹ L và Trần Thị Ngọc H rủ nhau ra thị xã L, tỉnh Bình Thuận với mục đích tìm người nào để tài sản trong cốp xe mô tô thì móc trộm tài sản đem bán kiếm tiền tiêu xài. Sau đó L, H rủ thêm Triệu Thị Hoàng P và Triệu Thị Xà D cùng tham gia. L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 60B4-201.75 (xe của Linh) chở H, còn D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream (xe của P, không rõ biển số) chở P đến thị xã L lúc khoảng 17 giờ cùng ngày. Trên đường đi phát hiện chị Bùi Vũ Vân A đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda Lead nên tất cả chạy bám theo sau. Khi thấy chị Vân A đi vào một cửa hàng bán gas tại nhà số 18 đường Thống Nhất, thuộc khu phố 3, phường P, thị xã L, dừng xe trước cửa hàng rồi đi vào bên trong, thì cả bọn dừng lại. Lúc này, P đi đến trước đầu xe của chị Vân A đứng, mục đích che chắn để người phía trong cửa hàng không ai nhìn thấy, D đứng cạnh giới phía ngoài để cho L và H thực hiện việc trộm cắp tài sản. L dùng tay kéo mạnh cốp xe nâng lên, còn H thò tay vào trong cốp lấy được một chiếc bóp, nhưng khi rút ra được gần hết thì chiếc bóp bị mắc kẹt lại yên xe, thấy vậy P đến dùng tay giật mạnh lấy bóp cất giấu vào trong người, khi P giật bóp làm chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy J7 rơi ra, thấy vậy D đến nhặt rồi nhanh chóng cùng đồng bọn lên xe chạy về huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Giữa đường cả bọn dừng lại cùng nhau mở bóp kiểm đếm tài sản vừa trộm được. Các bị cáo đều khai rằng trong bóp có số tiền 6.500.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân, H lấy tiền chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng, rồi vứt chiếc bóp cùng các giấy tờ lại ven đường, còn lại số tiền 500.000 đồng chi phí tiền ăn uống, xăng xe dọc đường, riêng chiếc điện thoại L giữ, qua ngày hôm sau L đưa cho H đi bán cho một người lạ mặt

được 2.000.000 đồng về chia tiếp mỗi người được 500.000 đồng, hiện số tiền được chia các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá số 79/KL-ĐGTS ngày 11/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thị xã L kết luận (Định giá qua hồ sơ): **01** điện thoại di động hiệu Sam sung J7 prime, màu trắng có giá trị là 4.400.000 đồng; **01** túi xách nữ hiệu LV, màu trắng trị giá 1.150.000 đồng; **01** đôi bông tai bạch kim màu trắng 2,7 gam, giá trị định giá: 2.565.000 đồng; **01** sợi dây chuyền bạch kim màu trắng kiểu mì 5,0 gam, giá trị định giá: 4.750.000 đồng, **01** mặt dây chuyền đính 06 hạt xoàn, mỗi hạt khoảng 3,0 li, giá trị định giá 16.344.000 đồng; **01** chiếc lắc tay kiểu bi bằng bạch kim 10 gram, giá trị định giá: 9.500.000 đồng; **01** cặp nhẫn bạch kim có đính hột xoàng tằm: 7.000.000 đồng; Hột xoàng 4,5 li: 23.400.000 đồng; **01** cặp nhẫn vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ, trên nhẫn có đính hột xoàng dạng ovan (có hóa đơn mua hàng kèm theo) giá trị định giá: 9.500.000 đồng. Tổng giá trị định giá: **78.609.000 đồng**.

Đối với số nữ trang chị Bùi Vũ Vân A khai báo mất, quá trình điều tra các bị cáo Tạ Mỹ L, Trần Thị Ngọc H, Triệu Thị Hoàng P và Triệu Thị Xà D đều thừa nhận chỉ lấy trộm của chị Vân A một cái bóp da đựng số tiền 6.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung và một số giấy tờ tùy thân, ngoài ra không lấy tài sản nào khác. Do chị A không chứng minh rõ nguồn gốc, số lượng, đặc điểm số tài sản bị mất như theo lời khai của mình nên chỉ có thể xác định các bị cáo lấy trộm số tài của chị Vân Agồm: Số tiền 6.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J7 prime, màu trắng trị giá 4.400.000 đồng; 01 túi xách nữ hiệu LV, màu trắng trị giá 1.150.000 đồng. Tổng cộng là: 12.050.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: - Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung J7 prime, màu trắng và 01 túi xách nữ hiệu LV màu trắng của chị Bùi Vũ Vân A. Theo lời khai của các bị cáo, sau khi lấy trộm đã vứt lại chiếc túi và một số giấy tờ (không rõ loại gì) ở bên đường, chiếc điện thoại di động đã đem bán cho một người không rõ lai lịch nên không thu hồi được.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 60B4-201.75 của Tạ Mỹ L và xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu nâu (không rõ biển số) của Triệu Thị Hoàng P, mà các bị cáo đã dùng làm phương tiện tham gia trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, Cơ quan CSĐT không thu hồi được vì sau khi trộm cắp các bị cáo khai đã bán xe trên cho những người không rõ lai lịch cụ thể.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với tổng giá trị chị Bùi Vũ Vân A khai báo bị mất số tài sản bao gồm: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam Dung J7 màu trắng; 01 túi xách hiệu Lv; tiền Việt Nam (6.500.000 đồng) và một số đồ trang sức bằng vàng và bạch kim, với tổng trị giá là 78.609.000 đồng (theo định giá), chị Bùi Vũ Vân A yêu cầu các bị cáo bồi thường cho chị toàn bộ số tài sản như nêu trên, hiện bị cáo Tạ Mỹ L đã bồi thường cho chị Vân A số tiền 3.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 22/6/2017, khi biết Bùi Thị L sẽ đi đến nhà chị gái của L là Bùi Thị C ở thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Bình Thuận thì Tạ Mỹ L, Trần Thị Ngọc H và Trần Ngọc N (hiện đã bỏ trốn) nói với L đi cùng, mục đích đến thị xã L tìm kiếm ai sơ hở sẽ trộm cắp tài sản. L lấy xe mô tô hiệu Sirius biển số 60B4 - 201.75 chở H, còn L lấy xe mô tô hiệu Wave RSX biển số 60B4-507.45 (xe do ông Nguyễn Văn P - chồng của Bùi Thị L đứng tên sở hữu) chở N, khi đến xã T, huyện H, thì các bị cáo ngủ lại nhà chị Bùi Thị C (chị gái của L). Đến sáng ngày 23/6/2017, L, L, H và N điều khiển xe

máy đến thị xã L, trên đường đi cả 04 người rủ nhau tìm người nào có tài sản để trong cốp xe sẽ móc trộm lấy tiền tiêu xài. Khi đến chợ L thuộc phường P cả bốn phát hiện thấy chị Nguyễn Thị Thúy H đang mua đồ ở đây, thấy chị H để một cái bóp trong cốp xe nên khi chị H lấy xe đi thì cả bốn chạy xe bám theo sau, chị H chạy xe vào để ở bãi giữ xe tại khu du lịch Coco Beach thuộc thôn M, xã T thì các bị cáo cũng đi vào bãi giữ xe và để xe gần chỗ xe của chị H đậu, L đi lại nói chuyện với bảo vệ khu du lịch nhằm đánh lạc hướng, L đứng gần chiếc xe của chị H che để không ai nhìn thấy, N dùng tay kéo yên xe để H thò tay vào cốp xe lấy tài sản, do H lấy không được nên L đến kéo yên xe để N thò tay vào cốp lấy, N lấy được một chiếc bóp da thì đưa cho L, sau khi lấy được tài sản N lên xe của L chở chạy về hướng xã T, huyện H, còn H lên xe của L chở chạy sau, đi được một đoạn L và H dừng xe lại mở bóp ra kiểm đếm thấy bên trong có 5.000.000 đồng; 300 Đôla Mỹ (USD) và 1.070 Bath Thái (các bị cáo không biết đó là tiền gì) L và H lấy hết số tiền trên, còn chiếc bóp cùng các giấy tờ ném lại bên đường, rồi L tiếp tục điều khiển xe chở H chạy về nhà chị C thì gặp L và N ở đây. Sau đó, cả bốn chạy về lại huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Trên đường đi, các đối tượng vào một tiệm vàng bên đường (không nhớ tiệm nào) bán số tiền Đôla Mỹ và 1.070 Bath Thái được 7.000.000 đồng, sau khi trừ tiền xăng xe, tiền ăn uống dọc đường, còn lại chia nhau mỗi người được 3.000.000 đồng, số tiền được chia các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá số 50/KL-ĐGTS ngày 03/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thị xã L, kết luận: 01 cái túi ví da màu đen có móc khóa và đường chỉ may màu vàng, túi ví da đã qua sử dụng, giá trị tài sản định giá: 100.000 đồng.

Tại Thông báo (về việc cung cấp tỷ giá ngoại tệ) của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã L - Bình Thuận ghi ngày 02/8/2017, xác định: Tỷ giá ngoại tệ thời điểm 23/6/2017 là: 22.670 VNĐ/USD; đồng Thái thời điểm 23/6/2017: 640 VNĐ/THB.

Như vậy, tổng số tài sản các bị cáo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thúy H gồm: 01 túi ví da màu đen có giá trị 100.000 đồng và 5.000.000 đồng Việt Nam + 6.801.000 đồng (300 USD x 22.670/01 USD) + 684.800 đồng (1.070 đồng Bath Thái x 640 VNĐ/Bath) = **12.585.800** đồng.

Về vật chứng vụ án: - Đối với 01 túi xách màu đen có móc khóa bên trong có 5.000.000 đồng Việt Nam; Tiền Đô la Mỹ; Tiền Bath Thái và một số giấy tờ khác mà các bị cáo trộm cắp của chị Nguyễn Thị Thúy H. Quá trình điều tra, các bị cáo khai sau khi lấy toàn bộ số tiền đã ném chiếc túi xách và một số giấy tờ ở bên đường (không xác định được nơi ném), đem số tiền ngoại tệ, bao gồm tiền Đô la Mỹ và tiền Bath Thái đổi ở một tiệm vàng không rõ địa chỉ lấy tiền Việt Nam chia nhau, vì vậy không có cơ sở thu hồi số tiền trên. Riêng chiếc túi xách màu đen cùng các giấy tờ gồm: 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 thẻ ATM và 01 phiếu khám răng mang tên chị Nguyễn Thị Thúy H, đã được anh Phạm Vũ Y, sinh 1982, trú khu phố 2, phường B nhật được giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã L và được trả lại cho chị H toàn bộ tài sản trên cùng số tiền 12.000.000 đồng do các bị cáo bồi thường theo biên bản giao nhận ngày 25/9/2017.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave RSX, biển số 60B4 - 507.45 mang tên ông Nguyễn Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia 430, màu cam thu giữ của bị cáo Bùi Thị L và 01 cùi vé giữ xe (loại 200 tờ) thu giữ của Khu du lịch Coco Beach. Hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L theo biên bản giao nhận vật

chứng ngày 12/10/2017 giữa Cơ quan CSĐT công an thị xã L và Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

- Ngoài ra, cơ quan điều tra có sao chép một số đoạn video ghi lại hình ảnh hiện trường hai vụ trộm cắp tài sản nêu trên, tuy nhiên đây không phải là đồ vật tài sản và mục đích để phục vụ cho công tác điều tra nên hiện do cơ quan điều tra quản lý.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Thúy H đã nhận lại số tiền 12.000.000 đồng do các bị cáo Tạ Mỹ L, Trần Thị Ngọc H, Bùi Thị L và gia đình đối tượng Trần Ngọc N bồi thường khắc phục hậu quả và 01 chiếc túi xách màu đen cùng giấy tờ tùy thân, nên chị Hằng không yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự .

Tại bản Cáo trạng số 85/QĐ-VKS ngày 19/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố các bị cáo Tạ Mỹ L, Triệu Thị Hoàng P, Bùi Thị L và Triệu Thị Xà D, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bị cáo Trần Thị Ngọc H, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như nội dung bản cáo trạng nêu và đề nghị Hội đồng xét xử; Tuyên bố: Các bị cáo Tạ Mỹ L, Trần Thị Ngọc H, Triệu Thị Hoàng P, Bùi Thị L và Triệu Thị Xà D đều phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điểm b, p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Phạt bị cáo **Tạ Thị Mỹ L**, mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

2/ Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 138; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Phạt bị cáo **Trần Thị Ngọc H**, mức án từ 03 đến 04 năm tù. Tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 18/2015/HSST ngày 04/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

3/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Phạt bị cáo **Triệu Thị Hoàng P**, mức án từ 12 đến 18 tháng tù.

4/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Phạt bị cáo **Triệu Thị Xà D**, mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

5/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm b, h, p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Phạt bị cáo **Bùi Thị L**, mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

*** Biện pháp tư pháp:**

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo L, H, P và D phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Bùi Vũ Vân A số tiền là 12.050.000 đồng, chia phần: Mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Vân A số tiền là 3.012.500 đồng. Quá trình điều tra, bị cáo L đã bồi thường cho chị

Vân A số tiền 3.000.000 đồng, nên bị cáo Linh tiếp tục bồi thường cho chị Vân A số tiền còn lại là 12.500 đồng.

2/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên: Trả lại cho bị cáo Bùi Thị L 01 điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 430, màu cam; Trả lại cho ông Nguyễn Văn P 01 xe mô tô hiệu Wave RSX, biển số 60B4 - 507.45; Tịch thu tiêu hủy 01 cùi vé giữ xe (loại 200 tờ).

- Các bị cáo Tạ Mỹ L, Trần Thị Ngọc H, Triệu Thị Hoàng P, Bùi Thị L và Triệu Thị Xà D đều không có ý kiến cũng như tranh luận gì đối với quan điểm của đại diện VKSND thị xã L, các bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của các bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Bị hại chị Bùi Vũ Vân A đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tài sản mà chị bị mất, buộc các bị cáo phải bồi thường lại toàn bộ số tài sản mà chị bị chiếm đoạt và xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P không có ý kiến cũng như tranh luận gì đối với quan điểm của đại diện VKSND thị xã L, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe máy cho ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại chị Nguyễn Thị Thúy H vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng chị H đã có lời khai tại cơ quan điều tra; Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

2. Về nội dung: Tại Tòa, các bị cáo Tạ Mỹ L, Trần Thị Ngọc H, Triệu Thị Hoàng P, Bùi Thị L và Triệu Thị Xà D đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố. Xét, lời khai của các bị cáo tại Tòa hoàn toàn phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ khẳng định: Đây là vụ án “Trộm cắp tài sản” do các bị cáo cố ý cùng thực hiện, với mong muốn có nhiều tiền để tiêu xài mà không phải lao động vất vả, nên các bị cáo nghĩ cách kiếm tiền bằng việc chạy xe máy lòng vòng trên địa bàn thị xã LaGi quan sát, nếu thấy người nào để tài sản trong cốp xe máy thì chạy bám theo sau, khi người bị hại để xe bên ngoài đi vào nhà, các bị cáo lợi sự sơ hở này móc cốp xe lấy trộm tài sản, đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Bằng cách thức và thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 16/6/2017 đến ngày 23/6/2017, các bị cáo đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã L, tỉnh Bình Thuận, cụ thể:

Vụ 1: Khoảng 17 giờ ngày 16/6/2017, sau khi theo dõi, lợi dụng sơ hở của chị Bùi Vũ Vân A để xe mô tô bên ngoài đi vào bên trong nhà số 18 đường Thống Nhất, thuộc khu phố 3, phường P, thị xã L mà không có người trông coi. Các bị cáo Tạ Mỹ L, Trần Thị Ngọc H, Triệu Thị Hoàng P, và Triệu Thị Xà D đã cùng nhau lén lút móc cốp xe máy lấy trộm tài sản của chị Bùi Vũ Vân A, gồm: Số tiền 6.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7, trị giá 4.400.000 đồng và 01 cái bóp da hiệu LV, trị giá 1.150.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 12.050.000 đồng. Sau khi lấy

được tài sản các bị cáo chạy xe về lại huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, trên đường đi các bị cáo dừng lại kiểm đếm tài sản vừa trộm được, thì lấy tiền và điện thoại, đối với chiếc bóp và giấy tờ tùy thân các bị cáo vứt lại ven đường. Sau đó, bị cáo H lấy số tiền mặt chia nhau mỗi bị cáo được 1.500.000 đồng, còn lại 500.000 đồng chi phí ăn uống, xăng xe dọc đường. Ngày hôm sau, bị cáo H đem bán chiếc điện thoại di động trên được 2.000.000 đồng và chia tiếp cho mỗi bị cáo được 500.000 đồng, số tiền được chia các bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Vụ 2: Khoảng 09 giờ ngày 23/6/2017, qua theo dõi, thấy chị Nguyễn Thị Thúy H bỏ tiền và tài sản trong bóp xe máy, cũng với hành vi và thủ đoạn tương tự. Các bị cáo Tạ Mỹ L, Trần Thị Ngọc H, Bùi Thị L và đối tượng Trần Ngọc N (hiện đang bỏ trốn) điều khiển xe máy bám theo sau chị H từ đến Khu du lịch CoCo Beach thuộc thôn M, xã T, thị xã L. Tại đây, các bị cáo đã cùng nhau lên lút móc bóp xe máy lấy trộm của chị Hằng 01 giỏ xách, bên trong có các tài sản, gồm: Số tiền 5.000.000 đồng; 300 USD (Đôla Mỹ); 1.070 Bath (tiền Thái Lan) và 01 số giấy tờ tùy thân. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 12.585.800 đồng. Sau khi lấy được tài sản các bị cáo chạy xe về lại huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, trên đường đi các bị cáo dừng lại kiểm đếm tài sản vừa trộm được lấy tiền, còn chiếc bóp và giấy tờ tùy thân thì các bị cáo vứt lại ven đường. Sau đó, các bị cáo đem đổi số ngoại tệ được 7.000.000 đồng, sau khi trừ tiền xăng xe, ăn uống dọc đường, các bị cáo chia nhau mỗi người được 3.000.000 đồng, số tiền được chia các bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Tạ Mỹ L, Triệu Thị Hoàng P, Bùi Thị L và Triệu Thị Xà D đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đối với bị cáo Trần Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân rất xấu, với 05 tiền án đều về tội: “Trộm cắp tài sản”. Hơn nữa, tại bản án hình sự số 18/2015/HSST ngày 04/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đã áp dụng tình tiết định khung hình phạt “Tái phạm nguy hiểm” đối với bị cáo H và các bản án trên đều chưa được xóa án tích, nay bị cáo H tiếp tục phạm tội mới do cố ý, nên lần phạm tội này của bị cáo H thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Đây là tình tiết định khung hình phạt của tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm, nhưng với bản tính tham lam, chây lười lao động, nên các bị cáo đã lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của người khác, để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, nhằm mục đích tư lợi cá nhân.

Xét, đây là vụ án đồng phạm với tính chất đồng phạm giản đơn. Trong quá trình thực hiện tội phạm, tuy giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công tổ chức việc thực hiện, nhưng tất cả đều hiểu ý và phối hợp cùng nhau để hoàn thành việc thực hiện tội phạm. Đánh giá về vai trò đồng phạm của các bị cáo trong cả hai vụ án cho thấy, các bị cáo L và H vừa là người rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác, đồng thời cũng vừa là người thực hành tích cực nhất. Đối với vụ án vào ngày 16/6/2017, chính 02 bị cáo là người trực tiếp tiếp cận xe máy của chị Bùi Vũ Văn A, bị cáo L dùng tay kéo mạnh bóp xe

nâng lên, để cho bị cáo H thò tay vào trong cốp móc lấy tài sản, sau khi chiếm đoạt được tài sản thì H chủ động chia tiền cho mọi người, còn L thì đem điện thoại đi bán rồi chia tiền cho mọi người. Đối với các bị cáo P và D, mặc dù không phải là người khởi xướng, nhưng khi nghe H và L rủ đi trộm cắp tài sản thì đồng ý ngay và tham gia với vai trò là đồng phạm giúp sức tích cực, trong đó bị cáo P đứng trước đầu xe của chị Vân, nhằm mục đích che chắn tầm quan sát của bị hại, còn bị cáo D đứng bên ngoài làm nhiệm vụ canh giới để cho bị cáo H và L thực hiện việc lấy trộm tài sản. Ngoài ra, khi H thò tay móc bóp kéo ra nhưng chiếc bóp bị kẹt lại yên xe, thấy vậy P đến dùng tay giật mạnh lấy được chiếc bóp giấu vào người, còn D khi thấy chiếc điện thoại rớt ra ngoài thì đến nhặt lấy rồi nhanh chóng ra xe tẩu thoát cùng đồng bọn. Hành vi của bị cáo D và P đã thống nhất về mặt ý chí, đã hỗ trợ, giúp sức cho các bị cáo H và L hoàn thành việc thực hành tội phạm. Đối với vụ án vào ngày 23/6/2017, thì bị cáo H và L vẫn giữ vai trò là người thực hành tích cực, còn bị cáo L làm nhiệm vụ canh giới, cụ thể bị cáo L đi lại nói chuyện với bảo vệ khu du lịch nhằm đánh lạc hướng, bị cáo L thì đứng trước đầu xe của chị H để che không cho ai nhìn thấy, còn đối tượng Trần Ngọc N dùng tay kéo yên xe máy của chị H lên để cho bị cáo H thò tay móc tài sản, thấy bị cáo H không móc được tài sản thì bị cáo L đến kéo yên xe để N móc cốp xe lấy tài sản. Hành vi của các bị cáo đã thống nhất về mặt ý chí, phối hợp, hỗ trợ, giúp sức cho nhau để hoàn thành việc thực hành tội phạm.

Xét thấy, các bị cáo H và L đã 02 lần thực hiện hành trộm cắp tài sản như đã nêu trên và mỗi lần trộm cắp đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, thuộc trường hợp “Phạm tội nhiều lần”. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo Hân và Linh.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Tạ Mỹ L, Triệu Thị Hoàng P, Bùi Thị L và Triệu Thị Xà D là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, tạo tâm lý mất an toàn trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, để giữ gìn kỷ cương pháp luật, bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo tình tiết sau: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải với lỗi lầm của mình; Hoàn cảnh gia đình của các bị cáo đều khó khăn, con còn nhỏ, riêng các bị cáo H và D chồng chết phải một mình nuôi con. Các bị cáo có trình độ học vấn thấp, không biết chữ, dân tộc thiểu số (Khome) nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đối với các bị cáo L và D có nhân thân tốt, chưa có tiền án - tiền sự; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đối với bị cáo Linh và Hân tự nguyện đến cơ quan đầu thú. Quá trình điều tra, các bị cáo L, H và L đã bồi thường đầy đủ để khắc phục hậu quả cho bị hại chị Nguyễn Thị Thúy H, riêng bị cáo L còn bồi thường cho bị hại chị Bùi Vũ Vân Anh số tiền 3.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, điểm h, điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

Xét thấy, bị cáo Trần Thị Ngọc H hiện đang chấp hành bản án hình sự sơ thẩm số 18/2015/HSST ngày 04/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, cần tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với bị cáo H, theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng Trần Ngọc N, quá trình điều tra xác định N là đồng phạm đã cùng các bị cáo L, H, L tham gia trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị Thúy H. Hiện đối tượng N đã bỏ trốn, chưa bắt được nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã tách ra để xử lý bằng một vụ án khác, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại chị Nguyễn Thị Thúy H đã nhận lại tài sản bị mất, cũng như số tiền 12.000.000 đồng mà các bị cáo L, H, L và gia đình đối tượng Trần Ngọc N đã bồi thường. Quá trình điều tra và căn cứ đơn xin xét xử vắng mặt, thì chị H không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với bị hại chị Bùi Vũ Vân A, quá trình điều tra và tại Tòa, chị Vân A cho rằng số tài sản bị mất trộm, bao gồm: Số tiền 6.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam Dung J7 màu trắng; 01 túi xách hiệu Lv; một số đồ trang sức bằng vàng và bạch kim (Gồm: 01 đôi bông tai bạch kim màu trắng trọng lượng khoảng 2,7 gam; 01 sợi dây chuyền bạch kim màu trắng kiểu mì trọng lượng khoảng 5,0 gam và 01 mặt dây chuyền đính 06 hạt xoàn, mỗi hạt khoảng 3,0 li; 01 chiếc lắc tay kiểu bi bằng bạch kim trọng lượng khoảng 10 gram; 01 cặp nhẫn bạch kim có đính hột xoàn tâm và hột xoàn 4,5 li; 01 cặp nhẫn vàng 18k trọng lượng 01 chỉ, trên nhẫn có đính hột xoàn dạng ovan), tổng giá trị tài sản theo định giá là 78.609.000 đồng và chị Vân Anh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tài sản nêu trên cho chị.

Qua yêu cầu trên của bị hại chị Bùi Vũ Vân A, thì các bị cáo L, H, P và D đều cho rằng chỉ lấy trộm của chị Bùi Vũ Vân A 01 cái bóp da bên trong có số tiền 6.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động và một số giấy tờ tùy thân, nên không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị Vân A và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra, bị hại chị Bùi Vũ Vân A không chứng minh rõ nguồn gốc, đặc điểm, số lượng, trọng lượng tài sản (nữ trang bằng vàng và bạch kim) mà mình bị mất trộm. Tại phiên tòa hôm nay, chị Vân A cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 giấy giám định kim cương và 05 giấy bảo đảm vàng đúng tuổi của một số tiệm vàng (bản photo), đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử triệu tập thêm 02 người làm chứng là những người đã chứng kiến chị cất số nữ trang vào trong bóp, gồm: chị Trần Thị Mỹ V - Sinh năm: 1988 - Trú: Khu phố 1, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận và chị Phan Trần Quỳnh A - Sinh năm: 1989 - Trú: Khu phố 6, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (cùng công tác với chị Vân A tại Phòng tài chính kế hoạch - UBND thị xã L). Ngoài ra, thì chị Vân A không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh các bị cáo đã chiếm đoạt của mình toàn bộ số tài sản nêu trên.

Hội đồng xét xử nhận thấy về các giấy tờ mà chị Vân A cung cấp tại tòa đều không thể hiện tài sản đó của ai (trên các giấy này không ghi tên, tuổi, địa chỉ) cũng như nội dung ghi chép trên các giấy tờ này cũng không có căn cứ để chứng minh đó là số tài sản mà chị Vân A bị mất. Còn về lời khai của người làm chứng chị Quỳnh A và

chị Mỹ V tại phiên tòa đều cho rằng: Chiều ngày 16/6/2017 (khoảng 16 giờ 45 phút) thì các chị có nhìn thấy chị Bùi Vũ Vân A bỏ số nữ trang vào chiếc túi màu đỏ, gồm: 01 đôi bông tai; 01 sợi dây chuyền có mặt dây chuyền; 01 chiếc lắc tay kiểu bi và 02 nhẫn hột, tất cả đều bằng bạch kim rồi để trên bàn, còn sau đó chị Vân A bỏ số trang sức đó ở đâu, rồi đi đâu và làm gì thì cả hai chị đều không biết và không xác định được. Mặt khác, giữa lời khai của bị hại chị Vân A và hai người làm chứng (chị Quỳnh A và chị Mỹ V) về số trang sức bị mất cũng có sự khác nhau cả về số lượng, lẫn chất liệu (cụ thể bị hại khai có vàng 18K và 02 cặp nhẫn, còn người làm chứng khai tất cả đều là bạch kim và chỉ 02 chiếc nhẫn hột). Hơn nữa, quá trình điều tra và tại Tòa chị Vân A đều cho rằng khi chị chạy xe về đến nhà mình thì mới phát hiện mất bị tài sản và trên đường chị chạy xe từ cơ quan về đến nhà mình thì chị còn ghé đến nhiều nơi rồi mới về nhà (ghé 03 điểm rồi mới đến tiệm bán gas và về nhà). Trong khi đó, Cơ quan điều tra chứng minh được số tài sản mà các bị cáo L, H, P và D đã chiếm đoạt của bị hại chị Bùi Vũ Vân A, gồm: Số tiền 6.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J7 prime, màu trắng và 01 túi xách nữ hiệu LV, màu trắng, với tổng giá trị là 12.050.000 đồng. Do đó, yêu cầu bồi thường của bị hại chị Bùi Vũ Vân A về toàn bộ số tài sản bị mất như nêu trên là không có căn cứ, mà chỉ có căn cứ buộc các bị cáo L, H, P và D phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại chị Bùi Vũ Vân A số tiền là 12.050.000 đồng, được chia phần: Mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Vân A số tiền là 3.012.500 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra, bị cáo Linh đã bồi thường cho chị Vân Anh số tiền 3.000.000 đồng. Tại Tòa, chị Vân A cũng xác nhận đã nhận số tiền 3.000.000 đồng của bị cáo L từ cơ quan điều tra, nên bị cáo L phải tiếp tục bồi thường cho chị Vân A số tiền còn lại là 12.500 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã giải quyết xong, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda, số loại Wave RSX, biển số 60B4 - 507.45, mà bị cáo Bùi Thị L sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra và tại Tòa, bị cáo Bùi Thị L và ông Nguyễn Văn P (chồng bị cáo L) đều xác định nguồn gốc chiếc xe trên được ông P mua và đứng tên chủ sở hữu trong thời kỳ hôn nhân, nên căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì chiếc xe trên thuộc sở hữu chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn P và Bùi Thị L trong thời kỳ hôn nhân. Xét thấy, ông P không biết bị cáo L sử dụng chiếc xe mô tô này vào việc phạm tội. Vì vậy, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước 50% giá trị chiếc xe mô tô hiệu Honda, số loại Wave RSX, biển số 60B4 - 507.45 và trả lại cho ông Nguyễn Văn P 50% giá trị chiếc xe trên.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 430 màu cam thu giữ của bị cáo Bùi Thị L. Xét, đây là tài sản riêng của bị cáo L không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo Bùi Thị L.

- Đối với 01 cùi vé giữ xe (loại 200 tờ). Xét, đây là tài sản không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

5. Về án phí: Các bị cáo Tạ Mỹ L, Trần Thị Ngọc H, Triệu Thị Hoàng P, Triệu Thị Xà D và Bùi Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Riêng các bị cáo Tạ Mỹ L, Trần Thị Ngọc H, Triệu Thị Hoàng P và Triệu Thị Xà D còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Tạ Mỹ L, Trần Thị Ngọc H, Triệu Thị Hoàng P, Triệu Thị Xà D và Bùi Thị L, đều phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điểm b, Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Tạ Mỹ L **02 (Hai)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày **29/7/2017**.

- Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 138; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điểm b, điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 và Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Ngọc H **04 (Bốn)** năm tù. Tổng hợp hình phạt **02 (Hai)** năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 18/2015/HSST ngày 04/02/2015 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc H phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 (Hai) bản án là **06 (Sáu)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày **24/8/2017**, nhưng được trừ thời gian tạm giữ trước từ ngày **29/7/2017** đến ngày **01/8/2017**.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Triệu Thị Hoàng P **18 (Mười tám)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm h, Điểm p, Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Triệu Thị Xà D **12 (Mười hai)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày **03/9/2017**.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm b, Điểm h, Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị L **12 (Mười hai)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày **28/6/2017**.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng: Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các Điều 584, 585, 586, 587, 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên: - Bị cáo Tạ Mỹ L phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Bùi Vũ Vân A số tiền còn lại là **12.500** đồng (Mười hai ngàn năm trăm đồng).

- Bị cáo Trần Thị Ngọc H phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Bùi Vũ Vân A số tiền là **3.012.500** đồng (Ba triệu không trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

- Bị cáo Triệu Thị Hoàng P phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Bùi Vũ Vân A số tiền là **3.012.500** đồng (Ba triệu không trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

- Bị cáo Triệu Thị Xà D phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Bùi Vũ Vân A số tiền là **3.012.500** đồng (Ba triệu không trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại chị Bùi Vũ Vân A có đơn yêu cầu thi hành án, nêu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất, như sau:

- Trường hợp các bên có thoả thuận thì mức lãi suất không vượt quá 20%/năm.
- Trường hợp các bên không thoả thuận thì mức lãi suất là 10%/năm.
- Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên: - Tịch thu sung quỹ Nhà nước 50% giá trị chiếc xe mô tô hiệu Wave RSX, biển số 60B4-507.45 (cùng giấy đăng ký xe số 0011978 mang tên Nguyễn Văn P) và trả lại cho ông Nguyễn Văn P (chồng bị cáo Bùi Thị L) 50% giá trị còn lại của chiếc xe mô tô trên.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Thị L 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 430 màu cam.

- Tịch thu tiêu hủy 01 cùi vé giữ xe (loại 200 tờ).

Hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/7/2017 giữa Cơ quan CSĐT công an thị xã L với Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

4. Về án phí:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Tạ Mỹ L, Trần Thị Ngọc H, Triệu Thị Hoàng P, Bùi Thị L và Triệu Thị Xà D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với các bị cáo Tạ Mỹ L, Trần Thị Ngọc H, Triệu Thị Hoàng P và Triệu Thị Xà D, mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng: Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- Phòng PC81- CA tỉnh Bình Thuận
- VKSND thị xã L
- THADS thị xã L
- Công an thị xã L
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu HS - Lưu Tòa án
- UBND địa phương nơi các BC cư trú

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình

